

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DSST
Ngày: 27- 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đồng;

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “ Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST - DS ngày 16 tháng 9 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 27/2021/QĐST – DS ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn K - Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của Tổng giám đốc tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế B “có mặt”.

Địa chỉ: Số 01, T, phường P, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh La Văn S, sinh năm 1971 “vắng mặt”.

Chị Đào Thị Th, sinh năm 1975 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/01/2018 Công ty B(sau gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng bán phân bón cho vợ chồng anh La Văn S và chị Đào Thị Th, mục đích mua phân bón về làm vườn. Sau khi ký hợp đồng hai bên tiến hành giao nhận hàng và thanh toán tiền từng đợt. Đến ngày 28/02/2019 hai bên có lập biên bản đối chiếu, chốt công nợ, số tiền phân bón vợ chồng anh S, chị Th còn nợ Công ty là 231.450.000đồng. Sau ngày chốt công nợ, đã nhiều lần Công ty đòi tiền nhưng vợ chồng anh S, chị Th không thanh toán trả cho Công ty. Vào các ngày 16/10/2019, 20/1/2020 và ngày 18/3/2020 Công ty đều lập tiếp các biên bản chốt nợ và yêu cầu vợ chồng anh S ký nhận số nợ trên với Công ty. Nay Công ty đề

ngợi Toà án giải quyết buộc vợ chồng anh S, chị Th phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên 231.450.000đồng. Lãi chậm thanh toán 1%/tháng/ số nợ phải trả. Công ty xác định ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng là ngày 28/2/2019 nhưng chỉ tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử 27/9/2021 là 29 tháng 27 ngày, số tiền lãi chậm trả là 69.203.550đồng, Công ty tiếp tục giảm lãi cho vợ chồng anh S, chị Th chỉ yêu cầu 64.303.550đồng. Tổng cộng Công ty yêu cầu vợ chồng anh S, chị Th phải thanh toán trả cho Công ty số tiền là 295.753.550đồng.

Lãi chậm thi hành án đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Đào Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày trên Công ty ,vào ngày 15/01/2018 Công ty Bcó ký hợp đồng bán phân bón cho vợ chồng chị, gia đình chị không có đăng ký kinh doanh, mục đích mua phân bón về làm vườn. Đến ngày 28/2/2019; ngày 16/10/2019, 20/01/2020 và ngày 18/3/2020 Công ty và vợ chồng chị đã đổi chiếu, lập biên bản chốt công nợ, số tiền phân bón còn nợ 231.450.000đồng, tiền lãi chậm trả là 1% tính kể từ ngày 01/4/2019 cho đến nay là đúng. Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện trên của Công ty sẽ cùng chồng (anh S) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền mua phân bón 231.450.000đồng, lãi chậm trả 64.303.550đồng. Tổng cộng là 295.753.550đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn chị chưa có tiền trả cho Công ty, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về lãi chậm thi hành án, chị thống nhất giải quyết theo quy định pháp luật.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh La Văn S nhưng anh S không trình bày quan điểm gửi tới Toà án, không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh La Văn S không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430; 431; 440; 468 Bộ luật dân sự. Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty: Buộc vợ chồng anh La Văn S và chị Đào Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán số tiền phân bón còn nợ cho Công ty B231.450.000đồng, tiền lãi chậm trả 64. 303. 550 đồng. Tổng cộng 295. 753. 550đ (Hai trăm chín mươi năm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng). Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Về thẩm quyền, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện L theo quy định tại Điều khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng

dân sự. Tại phiên toà, bị đơn anh S đã được tổng đặt hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:** Vào ngày 15/01/2018 Công ty B có ký hợp đồng bán phân bón cho vợ chồng anh La Văn S và chị Đào Thị Th, mục đích mua phân bón về làm vườn. Sau khi ký hợp đồng hai bên tiến hành giao nhận hàng và thanh toán tiền từng đợt. Đến ngày 28/02/2019 Công ty và vợ chồng anh S, chị Th đã đối chiếu, lập biên bản chốt công nợ, số tiền phân bón anh S chị Th còn nợ Công ty 231.450.000đồng. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng mua bán tài sản. Bên mua hàng đã nhận đủ số lượng, chủng loại tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, vì vậy vi phạm Điều 440 Bộ luật dân sự. Về phần lãi chậm trả, tại biên bản đối chiếu công nợ, vợ chồng anh S, chị Th có thoả thuận về khoản lãi chậm trả 1%/tháng kể từ ngày 01/4/2019, xét thấy mức lãi phù hợp với khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Do vậy căn cứ vào các Điều 430, 431; 440 Bộ luật dân sự buộc vợ chồng anh S, chị Th phải có trách nhiệm thanh toán số tiền phân bón còn nợ Công ty 231.450.000đồng. Về lãi chậm trả: Từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử ngày 27/9/2021 là 29 tháng 27 ngày, số tiền lãi chậm trả (1%/1tháng) là 69.203.550đồng, Công ty giảm lãi cho vợ chồng anh S, chị Th chỉ yêu cầu 64.303.550đồng. Tổng cộng là 295.753.550đồng. Vợ chồng anh S, chị Th còn phải trả lãi chậm thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 là 295.753.550đồng x 5% = 14.787.600đồng tiền án phí.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430; 431; 440; 468 Bộ luật dân sự. Điều 26; 35; 227; 228; 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng anh La Văn S và chị Đào Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán số tiền phân bón còn nợ cho Công ty B 231.450.000đồng, tiền lãi chậm trả 64.303.550 đồng. Tổng cộng 295. 753. 550đ (Hai trăm chín mươi năm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Vợ chồng anh La Văn S và chị Đào Thị Th phải chịu 14.787.600đ (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty B tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.000.000đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0001927 ngày 31/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh